

Bảng giá nông sản ngày 17/4/2025

Ghi nhận trong sáng ngày 17/04, giá tiêu trong nước giao dịch ở mức 156.500 - 159.000 đồng/kg, tiếp tục tăng 1.000 – 1.500 đồng/kg so với hôm qua. Trong đó, giá tiêu tại tỉnh hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông cùng điều chỉnh tăng 1.000 đồng/kg lên mức 159.000 đồng/kg. Tiếp đến là giá tiêu tại Bà Rịa – Vũng Tàu và Đồng Nai đứng ở mức 157.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg. Tương tự, giá tiêu giao dịch tại Bình Phước cũng tăng 1.500 đồng/kg lên 157.000 đồng/kg. Còn tại Gia Lai, giá tiêu hôm nay đứng ở mức thấp nhất là 156.500 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg.

Tiêu		
Tỉnh/huyện (khu vực khảo sát)	Giá thu mua (Đơn vị: VNĐ/kg)	+/- so với hôm qua (Đơn vị: VNĐ/kg)
Đắk Lắk	159.000	+1.000
Gia Lai	156.500	+1.000
Đắk Nông	159.000	+1.000
Bà Rịa - Vũng Tàu	157.000	+1.000
Bình Phước	157.500	+1.500
Đồng Nai	157.000	+1.000
Cà phê		
TT nhân xô	Giá trung bình	Thay đổi
Đắk Lắk	133,700	+700
Lâm Đồng	132,700	+700
Gia Lai	133,700	+700
Đắk Nông	133,800	+600
Tỷ giá USD/VND	25,670	+70
Cà phê Robusta London		5.388 USD/tấn
Cà phê Arabica New York		376.05 Cent/lb
ĐIỀU (giá điều thô tại các tỉnh)		
Loại điều	Giá chi tiết đ/kg	Thay đổi
Đắk Lắk	44.000	-
Đắk Nông	43.000	-
Gia Lai	41.000	-
Kon Tum	42.500	-

Lâm Đồng	42.000	-
Giá Hạt Điều Xuất Khẩu (đ/kg)		
Hạt điều nhân trắng W180 xuất khẩu	300.000 – 400.000	-
Hạt điều nhân trắng W240 xuất khẩu	180.000 – 350.000	-
Hạt điều nhân trắng W340 xuất khẩu	170.000 – 340.000	-
Hạt điều nhân trắng W450 xuất khẩu	130.000 – 310.000	-
Hạt điều vỡ đôi WS nhân trắng xuất khẩu	147.000 – 240.000	-
Hạt điều vỡ LP mảnh 1/4 nhân trắng xuất khẩu	150.000 – 180.000	-
Hạt điều vỡ SP mảnh 1/8 nhân trắng xuất khẩu	120.000 – 150.000	-
Hạt điều vỡ BB bể vụn & đầu cuộn hạt điều	80.000 – 100.000	-
Tham khảo giá mật ong trong nước		
Loại mật ong rừng		Giá thị trường (VNĐ/lít)
Mật ong khoái rừng	700.000 – 800.000	-
Mật ong ruồi rừng	1.2triệu – 1.5triệu	-
Mật ong rừng U Minh	600.000-800.000	-
Mật ong rừng Tây Bắc	550.000-700.000	-
Loại mật ong nuôi		
<u>Mật ong hoa nhãn</u>	250.000đ – 300.000	-
<u>Mật ong hoa cà phê</u>	200.000đ – 250.000	-
Mật ong hoa trà	200.000đ – 250.000	-
Mật ong hoa bạc hà	300.000đ – 400.000	-
Mật ong hoa vải	180.000đ – 250.000	-
<u>Mật ong hoa keo</u>	120.000đ – 230.000	-
Tham khảo giá cao su tại thị trường trong nước		
Tên công ty	Loại mủ	Giá cả
<i>Mang Yang</i>	Mủ nước loại 1	438 đồng/TSC
	Mủ nước loại 2	434 đồng/TSC
	Mủ đông tạp loại 1	441 đồng/TSC
	Mủ đông tạp loại 2	387 đồng/TSC
Bình Long	Mủ nước	386-396 đồng/TSC
	Mủ tạp DRC 60%	14.000 đồng/kg
Phú Riềng	Mủ nước	445 đồng/TSC

	Mủ tạp	405 đồng/TSC
Bà Rịa	TSC từ 30 trở lên	467 đồng/TSC
	TSC từ 25 đến dưới 30	462 đồng/TSC
	TSC từ 20 đến dưới 25	457 đồng/TSC
	Mủ chín độ DRC $\geq 50\%$	18.200đồng/kg
	Mủ chín độ DRC từ 45- 50%	16.900đồng/kg
	Mủ đông độ DRC từ 35- 45%	13.600đồng/kg
Tham khảo giá thị trường nông sản Thế giới		
Thị trường hàng hóa	ĐVT	Giá hàng hóa
Đường	UScents/lb	17.86
Cao su thế giới	JPY/kg	165.00
CAO SU RSS3, TSR20		
Giá cao su Tokyo(TOCOM)	Kg/Yên	342.10
Giá cao su tự nhiên (FHFE)-Thượng Hải	Tấn/nhân dân tệ	16.640
Giá cao su TSR20 (SGX)- Singapore	Sing/tấn	166.00

GIÁ SẦU RIÊNG TRONG NƯỚC

<i>Tên loại Sầu Riêng</i>	<i>Giá Hôm Nay (VNĐ/kg)</i>	<i>Thay đổi</i>
<i>KHU VỰC MIỀN TÂY NAM BỘ</i>		
Sầu riêng Ri6 đẹp	62.000 – 65.000	-
Sầu riêng Ri6 xô	42.000 – 45.000	-
Sầu riêng Thái đẹp	77.000 – 80.000	-
Sầu Riêng Thái Mua Xô	57.000 – 60.000	-
<i>KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ</i>		
Sầu riêng Ri6 đẹp	60.000 – 62.000	-
Sầu riêng Ri6 xô	42.000 – 45.000	-
Sầu riêng Thái đẹp	75.000 – 77.000	-
Sầu Riêng Thái Mua Xô	65.000 – 67.000	-
<i>KHU VỰC TÂY NGUYÊN</i>		
Sầu riêng Ri6 đẹp	62.000 – 65.000	-
Sầu riêng Ri6 xô	42.000 – 45.000	-
Sầu riêng Thái đẹp	77.000 – 80.000	-
Sầu Riêng Thái Mua Xô	57.000 – 64.000	-

GIÁ BƠ TRONG NƯỚC

Loại Bơ	Giá lẻ tại thị trường	
Giá bơ 034	45.000 – 58.000	Đắk Lắk, Lâm Đồng
Giá bơ 036	30.000 – 35.000	Lâm Đồng, Đắk Lắk

Giá bơ Booth	35.000 – 40.000	Đắk Lắk, Đà Lạt
Giá bơ sáp Đắk Lắk	18.000 – 22.000	Đắk Lắk

GIÁ HẠT MACCA

Loại	Giá tiền (đ/kg)	Thay đổi +/-
Macca sấy khô Việt Nam		
Macca Lâm Đồng sấy khô còn vỏ	330.000 - 360.000	-
Macca Lâm Đồng sấy khô tách vỏ	450.000 - 600.000	-
Macca Đắk Nông sấy khô còn vỏ	250.000 - 360.000	-
Macca Đắk Nông sấy khô tách vỏ	320.000 - 450.000	-
Macca Đắk Lắk sấy khô còn vỏ	250.000 - 360.000	-
Macca Đắk Lắk sấy khô tách vỏ	420.000 - 600.000	-
Macca sấy khô nhập khẩu		
Macca Úc sấy khô còn vỏ	360.000 - 400.000	-
Macca Úc sấy khô tách vỏ	800.000 - 850.000	-
Macca Mỹ sấy khô còn vỏ	500.000 - 600.000	-
Macca Mỹ sấy khô tách vỏ	1.000.000 - 1.230.000	-
Macca Trung Quốc sấy khô còn vỏ	300.000 - 340.000	-
Macca Trung Quốc sấy khô tách vỏ	700.000 - 900.000	-
Macca tươi		
Macca tươi Đắk Lắk	70.000 – 90.000	-
Macca tươi Lâm Đồng	67.000 – 90.000	-
Macca tươi Đắk Nông	69.000 – 95.000	-
Macca tươi Bình Định	75.000 – 120.000	-

GIÁ CA CAO

Phân loại	Giá cả/kg/VNĐ	
Hạt ca cao xô	60.000 – 65.000	-
Hạt ca cao lên men loại I	68,000 – 71,000	-
Cacao lên men loại II	83,000 – 85,000	-
Ca cao lên men loại III	90,000 – 94,000	-
Giá ca cao tươi	6,200 – 6,500	-
Bột cacao nguyên chất	140,000 – 180,000	-

Nguồn tin: Trung tâm thông tin Công nghiệp và Thương mại - Bộ Công Thương